

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/DS-ST
Ngày: 22-6-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương.
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 651/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ hội sở: 28C – 28D Phố B, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Long H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

Giấy ủy quyền số: 217/2020/UQ-NCB ngày 15/6/2020 của ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: 175 K, Phường B, quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Điều Minh N, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/8/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, có người đại diện theo ủy quyền là ông Tống Long H trình bày:

Ông Điều Minh N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Sài Gòn chi tiết như sau:

Số Hợp đồng cho vay: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/418/16/101-70 ngày 09/08/2016.

Số tiền vay: 953.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi ba triệu đồng)

Thời hạn vay: 84 tháng.

Mục đích vay: Mua xe ô tô con TOYOTA CAMRY 2.0E, 5 chỗ, màu đen theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 1800/HĐMB-BT ngày 02/08/2016.

Lãi suất trong hạn:

+ Lãi suất kỳ đầu tiên: 8,8%/năm, áp dụng 18 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Lãi suất kỳ tiếp theo: được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất kỳ tiếp theo bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Mức lãi suất cơ sở nêu trên được NCB thông báo trong từng thời kỳ.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian sử dụng thực tế, kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác. Tính lãi theo ngày, trên cơ sở một năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày. Trường hợp ngày đáo hạn là ngày nghỉ, thì ngày làm việc tiếp theo là ngày đến hạn trả nợ và số tiền lãi vẫn được tính cho đến ngày thực tế trả nợ, cụ thể:

+ Lãi trong hạn bằng (=) Dư nợ gốc nhân (x) số ngày nhân (x) lãi suất trong hạn (%/năm) chia (:) 360.

+ Lãi quá hạn bằng (=) Số nợ gốc phải trả nhưng chưa trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) lãi suất quá hạn (%/năm) chia (:) 360. Trong đó số ngày chậm trả tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến ngày khách hàng trả đủ nợ gốc.

+ Lãi chậm trả lãi bằng (=) Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) lãi suất quá hạn (%/năm) chia (:) 360. Trong đó số ngày chậm trả lãi tính từ ngày đến hạn trả nợ lãi đến ngày khách hàng trả đủ nợ lãi.

Biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Điều Minh N đã thế chấp tại NCB tài sản sau:

Xe ô tô con, tên chủ sở hữu: ĐIỀU MINH N; địa chỉ: Tổ 7, ấp Xóm Chùa, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh

Nhãn hiệu: TOYOTA

Số loại: CAMRY

Biển số: 51F-760.10

Màu sơn: đen

Số khung: 9FK1G1003289

Số máy: 6ARP187386

Dung tích: 1998

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 191380 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/08/2016

Tài sản bảo đảm trên được ký kết theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến nay, ông Điều Minh N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn, thông báo nhắc nợ và đã đến làm việc trực tiếp với ông Điều Minh N để

yêu cầu trả nợ, tuy nhiên ông Điều Minh N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 05/03/2020, ông Điều Minh N còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân các khoản sau:

| | | |
|-------------------|---|-------------------|
| Nợ gốc | : | 896.275.000đồng |
| Lãi trong hạn | : | 406.690.784đồng |
| Lãi quá hạn | : | 118.759.382đồng |
| Lãi chậm trả lãi: | | 114.821.163đồng |
| Tổng cộng | : | 1.536.546.329đồng |

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng)

Nay Ngân hàng khởi kiện ông Điều Minh N ra Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án xem xét và phán quyết buộc:

Chấm dứt trước hạn đối với Hợp đồng cho vay số 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016;

Buộc ông Điều Minh N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 22/6/2020 là 1.604.153.700đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm đồng), bao gồm:

| | | |
|------------------|---|------------------|
| Nợ gốc | : | 896.275.000đồng. |
| Lãi trong hạn | : | 425.344.720đồng. |
| Lãi quá hạn | : | 144.808.336đồng. |
| Lãi chậm trả lãi | : | 137.725.644đồng. |

Và buộc ông Điều Minh N thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 và Khế ước nhận nợ số: 001/2016/KUNN/418/16/101-70 ngày 09/08/2016 cho đến khi ông Điều Minh N trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông Điều Minh N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, kính đề nghị Quý Tòa tuyên: Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA CAMRY; Biển số: 51F-760.10 theo Hợp đồng thế chấp số 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Điều Minh N để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là ông Điều Minh N vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương

sự: Từ khi thụ lý vụ kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 68, Điều 70 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án buộc ông Điều Minh N thanh toán nợ gốc và lãi với số tiền là 1.604.153.700đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm đồng) theo hợp đồng cho vay số: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 (sau đây viết tắt là hợp đồng cho vay) là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Điều Minh N cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Điều Minh N phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng cho vay số: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.604.153.700đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm đồng). Nếu ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên: Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA CAMRY; Biển số: 51F-760.10 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016 (viết tắt là hợp đồng thế chấp) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Điều Minh N để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Điều Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tư bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án:

[3.1] Xét hình thức của hợp đồng: Pháp luật không quy định hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp tài sản phải bắt buộc công chứng, chứng thực, do đó hai hợp đồng này

được lập thành văn bản là phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng.

[3.2] Về nội dung của hợp đồng cho vay:

Theo hợp đồng cho vay số: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 giữa Ngân hàng và ông Điều Minh N thì ông N có ký vay của Ngân hàng số tiền là 953.000.000đ (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi ba triệu đồng), mục đích để mua xe ô tô. Ngày 09/8/2016, ông N đã ký ủy nhiệm chi và cùng ngày Ngân hàng đã chuyển số tiền 953.000.000đ cho Chi nhánh Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên – Xí nghiệp ô tô Toyota Bến Thành theo yêu cầu của ông N để ông N thanh toán tiền mua xe ô tô.

Tại Điều 4 của hợp đồng cho vay: Bên B trả nợ theo Khế ước nhận nợ và lịch trả nợ. Tại Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/418/16/101-70 ngày 09/08/2016, đến ngày 01/4/2017, ông N chỉ trả được nợ gốc là 56.725.000đồng sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn quy định tại Điều 15 của Hợp đồng cho vay và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N phải trả 896.275.000đ tiền nợ gốc là có cơ sở.

[3.3] Về lãi:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng.

Theo hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ việc Ngân hàng buộc ông N phải thanh toán lãi trong hạn là 425.344.720đồng; Lãi quá hạn là 144.808.336đồng và lãi chậm trả lãi: 137.725.644đồng là phù hợp do đó được chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc nếu ông Điều Minh N không thực hiện đúng việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA CAMRY; Biển số: 51F-760.10 theo Hợp đồng thế chấp số: 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Điều Minh N để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp thỏa thuận của hai bên quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số: 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016 nên được chấp nhận.

[4]. Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Điều Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;
- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Buộc ông Điều Minh N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/6/2020 tổng cộng là 1.604.153.700 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Ông Điều Minh N phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong đồng cho vay số: 418/16/HĐCV/101-70 ngày 09/08/2016 và Khế ước nhận nợ số: 001/2016/KUNN/418/16/101-70 ngày 09/08/2016 đã ký giữa các bên.

Nếu ông Điều Minh N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn nêu trên, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA CAMRY; Biển số: 51F-760.10 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số: 348/2016/HĐTC/101-70 ngày 09/08/2016 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Điều Minh N để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Điều Minh N phải chịu án phí là 60.124.611 (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm mười một) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí là 27.043.517 (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm mười bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0083158 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**